

Bản án số: 13 /2019/ DS-PT
Ngày: 22/02/2019
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Vân

Các Thẩm phán: Ông Lê Lâm Sơn

Ông Trần Bá Kha

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 186/2018/TLPT-DS ngày 25 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 41/2018/DS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 58/2019/QĐ-PT ngày 01 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị O, Sinh năm 1963, có mặt.

Địa chỉ: ấp B, xã N, huyện A, tỉnh K.

Bị đơn: Bà Dương Thị U, Sinh năm 1954

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn T, huyện An, tỉnh K.

Đại diện theo ủy quyền của bà Dương Thị U là ông Quách Mạnh Th, S năm 1982, có mặt

Địa chỉ: ấp B, xã N, huyện A, tỉnh K

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Dương Văn S, Sinh năm 1956.

Địa chỉ: ấp B, xã N, huyện A, tỉnh K.

Người đại diện hợp pháp của ông Dương Văn S là bà Nguyễn Thị O, Sinh năm 1982.

2/ Ông Quách Mạnh Thường, Sinh năm 1981, có mặt.

Địa chỉ: ấp B, xã N, huyện A, tỉnh K.

3/ Ủy ban nhân dân huyện A

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn T, huyện A, tỉnh K

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Hoàng M, chức vụ: Chủ tịch UBND huyện A.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Tạ Hữu T – chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường. Theo giấy ủy quyền ngày 09/01/2019, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

4/ Ngân hàng Thương mại cổ phần Ph.

Đại diện theo pháp luật là ông Trịnh Văn T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Phong P – Chức vụ: Giám đốc RB kiêm Phó Giám đốc chi nhánh K – Ngân hàng Thương mại cổ phần Ph.

Người được ủy quyền lại được đại diện tham gia phiên tòa là ông Nguyễn Hoàng Th, Sinh năm 1979; Chức vụ: Giám đốc QHKH-Ngân hàng Thương mại cổ phần Ph – Chi nhánh K, có mặt.

- *Người kháng cáo:* bà Nguyễn Thị O là nguyên đơn.

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Bà Dương Thị U trình bày:* Bà có diện tích đất là 502m² loại đất vườn tạp và đất ở nông thôn thửa số 150, tờ bản đồ 6-2, tọa lạc ấp B ào Láng, xã Nam Thới, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang đã được Ủy ban nhân dân (Ủy ban nhân dân, viết tắt là UBND) huyện An Biên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (chứng nhận quyền sử dụng, viết tắt là CNQSD) đất ngày 26/3/2002 nguồn gốc là do bà nhận chuyển nhượng của ông Danh Quỳnh vào năm 2002, phần đất một bên giáp đất của vợ chồng bà Nguyễn Thị O. Sau khi chuyển nhượng thì bà cho anh Quách Mạnh Thường sử dụng. Đến năm 2014, bà thỏa thuận chuyển nhượng phần đất trên cho anh Thường thì hiện pháp vợ chồng ông S, bà O sử dụng lấn sang phần đất của bà pháp sau hậu là ngang 2m, dài 20,1m. Nay bà yêu cầu vợ chồng ông S bà O trả lại phần diện tích lấn chiếm. Yêu cầu giữ

nguyên hiện trạng phần đất bà đang quyền sử dụng theo đo đạc thực tế với diện tích là 623m².

Tại phiên tòa bà Dương Thị Ú rút đơn khởi kiện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Vợ chồng bà Nguyễn Thị O trình bày:* Theo yêu cầu của bà Ú buộc vợ chồng bà trả lại phần đất phía sau hậu ngang 2m, dài 20,1m thì bà không đồng ý, vì bà có diện tích đất 935m², phần đất này bà được cha là ông Nguyễn Văn Cường (đã chết) cho từ năm 1997 thuộc thửa số 151, tờ bản đồ số 6-2, diện tích theo giấy CNQSD đất là 935m², loại đất ở nông thôn trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp B, xã N, huyện A, tỉnh K. Vào năm 2005, vợ chồng bà làm thủ tục chuyển tên quyền sử dụng đất thì được UBND huyện A cấp giấy CNQSD đất với diện tích 935m². Năm 2012, bà đổi lại giấy CNQSD đất, địa chính có đo đạc lại thì diện tích của bà được cấp là 679m² diện tích bị mất là 256m², lý do bị mất là do bà Ú lấn sang phần đất của bà tính từ trụ đá tính qua đất bà Ú ngang 02m x dài 32m. Do đó, bà Nguyễn Thị O phản tố yêu cầu bà Dương Thị Ú trả lại phần đất lấn chiếm là 64m² (ngang 2m x dài 32m)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- *Anh Quách Mạnh Th trình bày:* Trước đây bà Ú cho anh mượn phần đất của bà để sử dụng, đến năm 2014 bà Ú thỏa thuận bán phần đất này cho anh với giá 110.000.000đ, khi làm thủ tục chuyển nhượng thì anh S tranh chấp với bà O, ông S giấp ranh. Trong vụ án này thì anh không có yêu cầu gì anh sẽ tự thỏa thuận với bà Ú.

Đối với việc ký tên giấp ranh trước đây vào năm 2012 cho bà O làm giấy CNQSD đất thì lúc đó anh mượn đất của bà Ú nên ký theo trụ đá có sẵn trước đây, chứ không biết cụ thể là diện tích của bà Ú bao nhiêu.

- *Đại diện Ngân hàng TMCP Ph trình bày:* Doanh nghiệp tư nhân Dương Hồ Dũ có thể chấp quyền sử dụng đất của ông S bà O và quyền sở hữu xe ô tô vay của Ngân hàng số tiền 740.000.000đ. Tại Tòa án đại diện Ngân hàng không có ý gì về việc tranh chấp đất giữa các đương sự. Đối với phần nợ của ông S, bà O thì Ngân hàng không có yêu cầu, sau này có yêu cầu thì sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

- *Đại diện theo ủy quyền của UBND huyện A trình bày:* Đối với diện tích của ông Nguyễn Văn Cường tại thửa 151, diện tích 935m² là đo từ kênh Thầy Cai vào. Sau đó ông Cường làm thủ tục tặng cho vợ chồng ông S, bà O và đã chuyển tên với diện tích đất nói trên vào năm 2005. Vào năm 2012, vợ chồng ông S, bà O đã làm thủ tục đo đạc lại với diện tích là 679m² là do đo đạc từ lộ liên xã vào (phần từ lộ xuống kênh Thầy Cai không đo vào). Phần đất bà O và bà Ú dư so với giấy chứng nhận là do trước đây trừ lộ giới 5m, nay trừ 1,5 m. Đồng

thời đề nghị Tòa án căn cứ vào quá trình sử dụng của các bên theo hiện trạng mà xét xử theo quy định pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2018/DS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K quyết định:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị U.
2. Bác yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị O, ông Dương Văn S.
3. Giữ nguyên hiện trạng ranh giới quyền sử dụng đất của bà Dương Thị U và ông Dương Văn S, bà Nguyễn Thị O, cụ thể như sau:

- Bà Dương Thị U được quyền sử dụng diện tích 623,6m² loại đất ở nông thôn, trồng cây lâu năm, thửa số 150, tờ bản đồ 6-2 tọa lạc tại ấp B, xã N, huyện A, tỉnh K.

- Bà Nguyễn Thị O, ông Dương Văn S được quyền sử dụng diện tích 780,9m² loại đất ở nông thôn, trồng cây lâu năm, thửa số 151, tờ bản đồ 6-2 tọa lạc tại ấp B, xã N, huyện A, tỉnh K. Có tuyên vị trí tương cận theo sơ đồ đo đạc thực tế ngày 17/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và báo quyền kháng cáo.

Ngày 23/10/2018 bà Nguyễn Thị O kháng cáo vì vào năm 2005 UBND huyện A cấp giấy CNQSD đất diện tích là 935 m² so với thực tế thì đất của bà bị thiếu, còn phần đất bà U mua sau thì diện tích lại dư. Tòa sơ thẩm cho rằng do trừ lộ giới thì đất ai cũng phải trừ giống nhau. Do đó bà yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm.

Ngày 11 tháng 10 năm 2018 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K ban hành Quyết định kháng nghị số 10/QĐKNPT-VKS-DS yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hƯu tuyên lại phần án phí và không xem xét công nhận diện tích đất không tranh chấp của bà Dương Thị U.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị O vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu phía bà Dương Thị U phải trả lại phần đất mà bà U đã lấn chiếm ngang 2m, dài 32m với diện tích là 64m².

Phía bị đơn bà Dương Thị U yêu cầu Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến kết luận: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hƯ giải quyết vụ án: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị O, sửa lại án phí sơ thẩm và xem xét không công nhận diện tích đất không tranh chấp của bà U.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện A không có đơn kháng cáo nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị O, Hội đồng xét xử xét các chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện, sau khi nhận chuyển nhượng đất của ông Danh Quỳnh năm 2002, bà U đã tiến hành làm thủ tục để được cấp giấy CNQSD đất, quá trình làm thủ tục cấp giấy thì có cấm trụ đá và được các hộ giáp ranh ký xác nhận (BL 13, 14, 22). Tại phiên tòa sơ thẩm bà O, ông S thừa nhận hai trụ đá làm ranh là do các bên thỏa thuận cấm trước năm 2012 và cũng trên cơ sở đó ông bà đề nghị và đã được cấp đổi lại giấy CNQSD đất vào ngày 04/4/2012 với diện tích 679m², ông bà cũng không có khiếu nại đối với quyền sử dụng của diện tích đất được thể hiện trong giấy chứng nhận.

[3] Qua đo đạc thực tế phần đất bà O có diện tích 780,9 m² dư so với giấy CNQSD đất cấp năm 2012 là 101,9 m². Tuy nhiên, bà O cho rằng trước đây diện tích đất theo giấy chứng nhận năm 2005 là 935m², nhưng nay còn 679m² là thiếu so với giấy nên bà yêu cầu bà U trả lại đất cho bà. Hội đồng xét xử xét thấy tại Công văn số 319/UBND-NCPC ngày 15/9/2017 của UBND huyện An Biên, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án đại diện hợp pháp của UBND huyện An Biên đều xác định, trước đây UBND huyện cấp giấy cho bà O vào năm 2005 với diện tích 935m² là chuyển tên quyền sử dụng đất từ ông Nguyễn Văn Cường đo đạc từ kênh Thầy Cai vào. Khi bà O cấp đổi giấy năm 2012 thì đo từ lộ liên xã vào (phần từ lộ xuống kênh Thầy Cai không đo) do đó có thiếu so với giấy chứng nhận đã cấp ban đầu (BL 91, 99, 108). Như vậy, căn cứ vào Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/5/2017 (BL 59 – 63) phần đất của bà O nếu tính cả diện tích từ lộ liên xã xuống kênh Thầy Cai thì diện tích đất 385,6m² cộng với diện tích theo đo thực tế là 780,9m² = 1.166,5m², dư hơn so với diện tích ban đầu được cấp vào năm 2005 là 231,5m². Còn Nguyên nhân đo đạc thực tế phần đất bà O có diện tích 780,9 m² dư so với giấy CNQSD đất cấp năm 2012 là 101,9 m² và diện tích đất bà U khi đo thực tế 623,6m² dư so với giấy CNQSD đất cấp năm 2002 là 121m² theo đại diện UBND huyện xác định là do trừ hành

lang lộ giới, trước đây trừ lộ giới 5m, nay tính trừ lộ giới chỉ có 1,5m nên dư ra. Như vậy, về mặt thực tế sử dụng đất cả bà O và bà U đều dư so với giấy chứng nhận nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị O cho rằng đất vợ chồng bà thiếu và yêu cầu bà U trả lại phần đất lấn chiếm là 64m² (ngang 2m x 32m).

[4] Xét nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K. Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa sơ thẩm, phía bà Dương Thị U rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà U là phù hợp điểm c, khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tuy nhiên tại phần Quyết định của bản án sơ thẩm lại tuyên bà Dương Thị U được quyền sử dụng diện tích đất 623,6m² theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/5/2017 là vượt quá phạm vi khởi kiện theo quy định tại Điều 188 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và vi phạm thủ tục tố tụng vì bà U đã rút đơn khởi kiện không tiếp tục yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần đất này. Tuy nhiên, xét thấy việc vi phạm là không nghiêm trọng, không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử thống nhất rút kinh nghiệm với Tòa sơ thẩm và sửa bản án sơ thẩm về nội dung này.

[5] Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K về phần án phí Xét thấy, quan hệ tranh chấp giữa các bên không xem xét giá trị chỉ xem xét quyền sử dụng đất của ai thì căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án. Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì án phí là O phải chịu là án phí không giá ngạch 200.000 đồng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà O phải chịu án phí có giá ngạch với số tiền 640.000 đồng là chưa phù hợp quy định pháp luật. Sau khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành Quyết định sửa chữa bổ sung bản án về vấn đề án phí Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy Quyết định sửa chữa bản án sơ thẩm của Thẩm phán ký là chưa đúng theo quy định tại Điều 268 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và cũng không thuộc trường hợp lỗi về chính tả, về số liệu do nhầm lẫn hoặc tính toán sai... nên Hội đồng xét xử không chấp nhận Quyết định sửa chữa bản án về án phí mà chấp nhận ý kiến kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K về việc sửa án phí

[7] Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, chỉ có bà Nguyễn Thị O phản tố đối với bà Dương Thị U, trong khi ông Dương Văn S không có yêu cầu phản tố, nhưng khi bà Dương Thị U rút đơn khởi kiện, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà U, thay đổi địa vị tố tụng của các đương sự trong vụ kiện lại xác định ông Dương Văn S là nguyên đơn và buộc ông S chịu án phí sơ thẩm là không đúng quy định tại điều khoản 2 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vì lẽ ra trường hợp này phải xác định bà O là nguyên đơn, còn ông S là

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mới phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử cần rút kinh nghiệm cấp sơ thẩm và xác định lại tư cách đương sự.

Từ cơ sở nhận định trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng phúc thẩm thống nhất chấp nhận quan điểm đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về việc không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị O, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, sửa bản án sơ thẩm theo hướng phân tích nêu trên.

Về án phí phúc thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị O nộp 300.000 đồng do Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm không liên quan đến nội dung kháng cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 308, điểm c, khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 688 Bộ luật dân sự 2005; Điều 179, 202, 203 Luật đất đai năm 2013; Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án. Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị O
- Chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K.
- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 41/2018/DS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Ư.
2. Bác yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị O.
3. Giữ nguyên hiện trạng quyền sử dụng đất 780,9m² loại đất ở nông thôn, trồng cây lâu năm, thửa số 151, tờ bản đồ 6-2 tọa lạc tại ấp Bờ Láng, xã Nam Thới, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang cho bà Nguyễn Thị O, ông Dương Văn S sử dụng. Đất có vị trí và số đo cụ thể như sau:

Chiều ngang mặt tiền giáp lộ về xã Nam Thới, cạnh BC = 26,55m;

Chiều ngang mặt hậu giáp đất Quách Mạnh Th, cạnh AF = 27m;

Chiều dài một bên giáp đất bà Dương Thị Ư, cạnh CF = 28,45m;

Chiều dài một bên giáp đất Danh Phiên, cạnh BA = 27,85m.

Theo sơ đồ đo đạc thực tế ngày 17/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

4. Về án phí

- Án phí sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị O nộp 200.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà O đã nộp 200.000đ theo biên lai thu tiền số 0000522 ngày 27/9/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Biên.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà U 200.000đ theo biên lai thu số 0006413 ngày 07/3/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí phúc thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị O phải nộp 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà O đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005735 ngày 26/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

5. Về tiền chi phí đo đạc: 1.323.000đ (Một triệu ba trăm hai mươi ba nghìn đồng). Bà Dương Thị U đã nộp xong phần tiền này cho Văn phòng đăng ký đất đai huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Buộc bà Nguyễn Thị O, ông Dương Văn S trả lại cho bà Dương Thị U 1.323.000đ (Một triệu ba trăm hai mươi ba nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện Gò Quao;
- THA dân sự huyện Gò Quao
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Lâm Sơn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Tấn Phạm Đình Thi

Lê Lâm Sơn